TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2024
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thi Thị Thanh Trúc.

Bà Trần Thị Sang.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Châu Thị Phượng Liên là Thư ký Tòa án.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 534/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Bà Sơn Thị Phụ Sa R, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và lời khai của ông K tại phiên toà hôm nay như sau**:

Anh và chị Sa R do tự quen biết nhau, được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý. Nên vợ chồng chị tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 13/05/2014. Sau

khi cưới vợ chồng anh về sống chung bên cha mẹ ruột của anh, thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, đi lại, quan hệ bạn bè. Vợ chồng không tin tưởng nhau, gia đình không hạnh phúc, vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay là 07 năm nay, không hàn gắn được với với nhau. Chính vì vậy, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh K yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K yêu cầu được ly hôn với chị Sơn Thị Phụ Sa R

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Đăng K1, sinh ngày: 30/9/2015. Hiện tại Đăng K1 đang Sinh sống với chị Sa R. Sau khi ly hôn anh K đồng ý giao con cho chị Sa R nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.725.000đồng kể từ này bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

-Về tài sản, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Sơn Thị Phụ Sa R, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, giấy triệu tập nhiều lần cho chị Sơn Thị Phụ S Rây biết. Nhưng chị Sơn Thị Phụ Sa R không đến Tòa án theo thông báo của Tòa án, cố tình vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Sơn Thị Phụ Sa R, trú tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, yêu cầu giải quyết về con chung, về tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường. Bị đơn chị Sơn Thị Phụ Sa R vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được, tiến hành công khai chứng cứ vắng mặt chị Sơn Thị Phụ Sa R và xét xử vắng mặt họ theo quy định tại 207, 208, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Sơn Thị Phụ Sa R sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, anh chị đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh K cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, đã sống ly thân đến nay đã 07 năm. Theo xác nhận của Công an ấp số B, xã M vợ chồng anh K hiện nay đã sống ly thân. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên anh K và chị Sa R đã bỏ mặt nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, trong khoảng thời gian này hai người không hề gặp nhau để thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và trong quá trình giải quyết vụ án chị Sa R mặt dù biết anh K khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ly hôn chị, nhưng chị không đến Tòa án, thể hiện chị Sa R không quan tâm, không tha thiết hàn gắn trong cuộc hôn nhân này. Từ phân tích trên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K đối với chị Sơn Thị Phụ Sa R.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Sơn Thị Phụ S Rây có 01 người con chung là Nguyễn Đăng K1, sinh ngày: 30/9/2015. Hiện nay chị Sa R đang nuôi dưỡng. Để tránh làm thay đổi cuộc sống của cháu và theo lời trình bày của anh K thì cháu K1 muốn sống chung với chị Sa R, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K1 cho chị Sa R nuôi dưỡng. Anh K tự nguyện cấp dưỡng cháu K1 mỗi tháng 1.725.000đồng là phù hợp theo quy định Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Toà án nhân dân tối cao hướng

dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình "…2.Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con….". Lương tối thiểu vùng tại huyện C, tỉnh Trà Vinh là 3.450.000đồng/tháng (vùng IV – Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính Phủ quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Nên mức cấp dưỡng anh K đưa ra là phù hợp.

Về tài sản, nợ chung: Anh K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K đối với chị Sơn Thị Phụ Sa R.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Sơn Thị Phụ Sa R.

Về con chung: Chị Sơn Thị Phụ Sa R được quyền tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Đăng K1, sinh ngày: 30/9/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đăng K1, sinh ngày: 30/9/2015 mỗi tháng 1.725.000đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của chung, khi cần thiết và có yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như quyết định phần cấp dưỡng nuôi con.

Về về tài sản, nợ chung: Anh Nguyễn Văn K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

2/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004068 ngày 27/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Anh Nguyễn Văn K phải tiếp tục nộp 300.000đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Cẩm;
- Lưu;

Nguyễn Phú Hiệp